CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa lập Kế hoạch điều động tàu vào, rời cảng
Từ 16 giờ 00 ngày 12 tháng 11 năm 2026 đến 16 giờ 00 ngày 13 tháng 11 năm 2026
tại khu vực Cảng biển Thanh Hoá như sau:

Thời gian	Tên tàu	Mớn nước (m)	LOA (m)	DWT	Tàu lai	Tuyến Luồng	Từ	Đến	Đại lý
A. KHU VỰC NGHI SƠN									
I. TÀU VÀO CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
06:30	ĐẠI TÂY DƯƠNG 26	4,2	79,99	3.791	Nil	TH PTSC	P0	Cầu 1	Nil
12:30	Huy Hùng 68	6,0	79,95	40.103	Nil	TH PTSC	Cầu 1	Cầu 2	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
07:00	MẶT TRỜI VIỆT 25	2,0	79,68	2.635	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 4	Nil
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
	N/A				Nil	TH G.MA	P0	Cầu 6	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
04:00	Tuấn Tài 39	5,3	79,75	3.150	Nil	TH LS	P0	Cầu 9	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							

18:00	An Bình 99	5,4	83,83	3.526	HC 06	TH QTr	P/s	Cầu 11	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05: LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
10:00	TTC SEAHORSE	5,0	89,00	4.818	VAS 3006	TH QT	P/s	Cầu số 2A	BFAST
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
21:00	Hùng Khánh 616	5,4	79,80	3.443	Nil	CD NĐ1	P0	NĐ1	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A				HVS48. TV2	CD NĐ2	Khu CT	NĐ2	Nil
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
03:30	Hà Hải 09	3,5	79,00	3.600	Nil	CDXM	P0	Cầu 2	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
	N/A				Nil	CD AP	P0	AP1	NSAgency
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
16:00	AN PHU 16	4,6	97,28	5.645	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2A	Hàng Hải Nghi Sơn
19:00	HOANG HA OCEAN	3,9	110,20	6.800	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4A	Hàng Hải Nghi Sơn
20:00	TAY NAM 01	5,4	117,54	9.130	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4B	Hưng Thịnh Phát
05:00	JIN HAI CHENG	5,2	119,90	11.703	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2B	Hàng Hải Nam Khanh

09:00	GOLD STAR 19	5,4	117,54	9.130	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 4A	Hàng Hải Phương Nam
14:00	NHA BE 09	5,2	105,97	6.534	PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2A	VITACO Nghi Son
II. TÀU RỜI CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
06:00	THÀNH PHÁT 89	5,8	79,86	4.622	Nil	TH PTSC	Cầu 1	P0	Nil
12:00	Minh Quân 68	6,0	106,00	9.047	NB 01	TH PTSC	Cầu 1	P/s	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
17:00	PHÚC HẢI 18	4,6	94,25	4.998	ĐD 06	TH ĐD	Cầu 4	P/s	Nil
00:00	HÙNG DŨNG 10	4,5	79,00	3.170	Nil	TH ĐD	Cầu 3	P0	Nil
02:00	CHÍ THÀNH 68	2	76,20	2.762	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
05:00	GIA LĨNH 268	6,4	109,90	12.001	ĐD 06	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
06:00	FIORE	11	190,00	55.848	ĐD 08 TĐ 01	TH ĐD	Cầu 5	P/s	Nil
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
	N/A				Nil	TH G.MA	Cầu 6	P0	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
16:30	V UNO	4,5	181,00	37.889	LS 135 LS 136	TH LS	Cầu 7	P/s	Nil

10:30	Long Sơn 08	1,8	50,00	126	LS 135	TH LS	Cầu 10	P0	Tàu hút
10:30	Long Sơn 10	1,26	12,00	30	Nil	TH LS	Cầu 10	P0	Tùa kéo
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
16:00	Hùng Khánh 226	5,5	89,98	4.500	HC 06	TH QTr	Cầu 11	P/s	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05:LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
	N/A				Nil	TH QT	Cầu số 02	P0	Nil
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
20:00	Khánh Minh 68	2,3	77,70	3.065	Nil	CD NĐ1	NĐ1	P0	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A	5,6	145,00	180.000	HVS48. TV2	CD NĐ2	NĐ2	Khu CT	Hai Van
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
02:30	Phương Nam 168	2,0	79,00	4.500	Nil	CDXM	Cầu 2	P0	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
	N/A				Nil	CD AP	AP1	P0	Nil
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
17:00	QUANG VINH STAR	7,5	113,20	9.229	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4B	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn

18:00	PHU DAT 16	6,3	109,90	6.399	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2A	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn
04:00	NHA BE 08	6,7	104,99	6.679	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2B	P/s	VITACO Nghi Son
08:00	AN PHU 16	6,5	97,28	5.645	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4A	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn
13:00	HOANG HA OCEAN	6,5	110,20	6.800	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 2A	P/s	Hàng Hải Nghi Sơn
15:00	TAY NAM 01	5,4	117,54	9.130	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4B	P/s	Hưng Thịnh Phát
23:30	XING ZHONG HAI	7,0	115,80	10.210	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 1A	P/s	Hàng Hải Nam Khanh
B. KHU VỰC LỆ MÔN									
Bến cảng lệ Môn		Chiều dài bến: L=110m; DWT=5000							
07:00	Quang Trung 09	2,0	56,9	997	Nil	Lệ Môn	P0	Lệ Môn	Nil
Ghi chú Tàu bổ sung, thay đổi kế hoạch									

Thanh Hoá, 17h00' ngày 12 tháng 11 năm 2026

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (để b/cáo);
- Chi nhánh Hoa tiêu VI;
- Phòng AT&ANHH;
- Các Doanh cảng biển; (để t/hiện)
- Các Doanh nghiệp lai dắt;
- Lưu: QLKCHT.

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Mai Văn Khánh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Duy Hiếu